

Bản án số: 29/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 06-9-2023

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THIỆU HÓA, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Liên

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Dũng Tấn

Ông Nguyễn Xuân Thu

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệu Quỳnh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thiệu Hóa: Bà Hoàng Thị Minh - Kiểm sát viên

Ngày 06 tháng 9 năm 2023, tại Toà án nhân dân huyện Thiệu Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 20/2023/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 02 năm 2023 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2023/QĐXX-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2023/DSST-QĐ ngày 18/7/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2023/DSST-QĐ ngày 16/8/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trương Thị Hồng N, sinh năm 1998.(có mặt).

Địa chỉ: Thôn OK, xã TC, huyện TH, tỉnh Thanh Hóa

2. Bị đơn: Anh Trịnh Văn X, sinh năm 1988.(vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn TĐ, xã TC, huyện TH, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trương Thị Hồng N trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Trịnh Văn X kết hôn trên cơ sở tự nguyện, qua giới thiệu của hai bên gia đình, tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và đăng ký kết hôn với nhau ngày 20/12/2016 tại UBND xã TC, huyện TH, tỉnh Thanh Hóa. Quá trình vợ chồng chung sống vợ chồng không hạnh phúc đến đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống giữa mẹ chồng và nàng dâu, giữa vợ và chồng. Mâu thuẫn trầm trọng đến tháng 9 năm 2022 thì vợ chồng sống ly thân, chị mang con về nhà mẹ đẻ sinh sống. Quá trình vợ chồng mâu thuẫn không được hai bên gia đình hòa giải, từ đó đến nay vợ chồng không quan tâm đến nhau. Nay chị xác định không còn tình cảm với

anh Xoan, cuộc sống chung không tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Trịnh Văn X.

Về con chung: Chị và anh X có 02 con chung là Trịnh Tiến Đ, sinh ngày 09/02/2018 và Trịnh Nhã D, sinh ngày 30/5/2021. Ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng, chăm sóc cháu D, anh X nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Đ và không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật đối với anh Trịnh Văn X. Anh X đã nhận được thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng nhưng từ chối ký nhận và không có ý kiến gì. Anh X không đến Tòa án để tự khai cũng như tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải.

Tòa án đã lập biên bản về việc đương sự vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Khoản 1 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ do địa phương cung cấp thể hiện: Về hôn nhân: Chị Trương Thị Hồng N và anh Trịnh Văn X đăng ký kết hôn năm 2016 tại UBND xã TC, huyện TH. Quá trình vợ chồng chung sống bình thường, đến cuối tháng 9 năm 2022 thì chị X về nhà mẹ đẻ ở thôn OK sinh sống. Về nguyên nhân mâu thuẫn thế nào thì chính quyền địa phương không nắm bắt được do anh X và chị N không báo cáo. Nay chị N xin ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung: chị N và anh X có 02 con chung là Trịnh Tiến Đ, sinh ngày 09/02/2018 và Trịnh Nhã D, sinh ngày 30/5/2021, hiện nay hai cháu đang ở cùng ông bà nội và anh X. Nếu anh, chị ly hôn, việc giao nuôi con đề nghị Tòa án căn cứ vào pháp luật giải quyết để đảm bảo quyền lợi cho các cháu. Đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật. Anh X là thợ hàn xì làm việc tại nhà, còn chị N thì làm tại công ty. Về tài sản, công nợ: chính quyền địa phương không nắm bắt được chị N, anh X có tài sản hay công nợ không. Đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết.

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Đề nghị Tòa án xử cho ly hôn với bị đơn, về con chung nguyện vọng là được nuôi dưỡng, chăm sóc cháu D, anh X nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Đ; về tài sản và công nợ vợ chồng không yêu cầu giải quyết. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng từ chối nhận văn bản và không đến làm việc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thiệu Hóa trình bày ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử chấp hành đúng thủ tục tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành nghiêm quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Điều 51; 56; 57; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; Các Điều 227; 228; 271; 273; 278; 280 BLTTDS; Điều

6; Điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Về hôn nhân: Chấp nhận đề nghị của chị Trương Thị Hồng N xin ly hôn anh Trịnh Văn X.

Về con chung: Anh X và chị N có 02 con chung là Trịnh Tiến Đ, sinh ngày 09/02/2018 và Trịnh Nhã D, sinh ngày 30/5/2021. Ly hôn giao cháu D cho chị N nuôi dưỡng, giao cháu Đ cho anh X nuôi dưỡng và không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản và công nợ: Chị N và anh X không yêu cầu nên không xem xét.

Về án phí: Chị Trương Thị Hồng N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Tranh chấp giữa nguyên đơn chị Trương Thị Hồng N và anh Trịnh Văn Xoan là Tranh chấp về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn. Bị đơn có địa chỉ tại thôn TĐ, xã TC, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS.

Tại phiên tòa mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng anh Trịnh Văn X vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b Khoản 2 Điều 227 BLTTDS để giải quyết vắng mặt anh X là phù hợp quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

* *Về hôn nhân*: Chị Trương Thị Hồng N và anh Trịnh Văn X kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Quá trình anh chị chung sống không hạnh phúc đến năm 2020 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và đến tháng 9 năm 2022 đã sống ly thân.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng cho anh X, tuy nhiên anh X từ chối nhận và không nêu rõ lý do. Anh X không chấp hành các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, không có ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án và cũng không đến Tòa án để tham gia phiên hòa giải nên Tòa án không tiến hành phiên hòa giải được, điều đó chứng tỏ anh X không có thiện chí để vợ chồng đoàn tụ. Việc chị Ngoan trình bày nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng và thực trạng hôn nhân phù hợp với xác minh tình trạng hôn nhân chị N, anh X tại địa phương. Như vậy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên áp dụng Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận cho chị N được ly hôn anh X là phù hợp.

* *Về con chung*: Anh X và chị N có 02 con chung là Trịnh Tiến Đ, sinh ngày 09/02/2018 và Trịnh Nhã D, sinh ngày 30/5/2021. Hiện nay cả hai cháu đang ở với anh X. Quá trình giải quyết vụ án, anh X không thể hiện quan điểm

về nuôi con, chị N có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu Trịnh Nhã D và đề nghị Tòa án giao cháu Trịnh Tiến Đ cho anh X nuôi dưỡng. Nguyện vọng của chị N phù hợp các quy định về quyền và nghĩa vụ giữa cha mẹ và con cái quy định tại các Điều 69, 70, 71, 72 của Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

* *Về tài sản*: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

* *Về công nợ*: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị Trương Thị Hồng N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo, Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 51; 56; 57; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 227; 228; khoản 4 Điều 147; Điều 271; 273; 278; 280 của BLTTDS; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Trương Thị Hồng N được ly hôn anh Trịnh Văn X.

2. Về con chung: Công nhận 02 cháu Trịnh Tiến Đ, sinh ngày 09/02/2018 và Trịnh Nhã D, sinh ngày 30/5/2021 là con chung của chị N và anh X. Ly hôn giao cháu Trịnh Tiến Đ cho anh X trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Trịnh Nhã D cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh X, chị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

Anh X có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn nếu có yêu cầu.

3. Về tài sản, công nợ: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trương Thị Hồng N phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền số AA/2021/0006121 ngày 08/02/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Chị N đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo, kháng nghị : Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án niêm yết.

Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thiệu Hóa;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Thiệu Hóa
- UBND xã Thiệu Công;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Trần Thị Liên